

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HS-ST
Ngày: 29-3-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hoa.
2. Bà Trần Thị Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/HSST-QĐ ngày 01-02-2024, Thông báo hoãn phiên tòa số 03/2024/TB-TA ngày 28-02-2024, Thông báo hoãn phiên tòa số 04/2024/TB-TA ngày 11-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức đối với bị cáo:

Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1993 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Trương Minh T, sinh năm 1971 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; bị cáo có 01 người con sinh ngày 21-4-2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trương Thị Mỹ L tại ngoại (Có mặt).

-*Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Đỗ Văn H, Luật sư Văn phòng Luật sư A thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Trần Duy Q, sinh năm 1994; nơi cư trú: Đường số A, thôn B, xã C, huyện D, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8/2020, ông Nguyễn Trần Duy Q và Trương Thị Mỹ L quen biết nhau qua mạng xã hội (Facebook). Sau đó, hai người nảy sinh tình cảm với nhau. Trong khoảng thời gian này, L đã mượn của Q số tiền khoảng 310.150.000 đồng (Ba trăm mười triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng vì có quan hệ tình cảm nên không viết giấy vay mượn tiền, không thỏa thuận thời gian trả nợ.

Sau đó, do nợ tiền của nhiều người nhưng không có khả năng trả nên L đã nảy sinh ý định lừa đảo Q để chiếm đoạt tiền nhằm mục đích trả nợ cho người khác và tiêu xài cá nhân. Để thực hiện được ý định này, vào ngày 27-01-2022, L lên mạng xã hội (Facebook) nhưng không nhớ tên tài khoản Facebook để đặt làm 01 hình ảnh thể hiện L đã chuyển khoản thành công đến số tài khoản của Q với số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Sau đó, L đã sử dụng tài khoản Zalo tên “Anna” gửi hình ảnh này đến tài khoản Zalo tên “Án Nhân Bát Họ” của Q để Q tin rằng L đã chuyển tiền trả nợ trước đó rồi L tiếp tục hỏi mượn Q số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để làm giấy tờ.

Ngày 29-01-2022, Q đã chuyển khoản cho L mượn số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Sau đó, Q lên tài khoản Zalo kiểm tra, thấy tên tài khoản L chuyển không đúng số tài khoản của mình nên nhắn tin cho L, L trả lời đợi Ngân hàng chuyển tiền lại rồi L chuyển lại cho Q. Ngày 07-02-2022, vẫn cùng phương thức và thủ đoạn như trên, L đã đặt làm rồi gửi 01 hình ảnh thể hiện chuyển khoản thành công số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) cho Q (tên người chuyển tiền Đặng Thị Hồng Đ).

Ngày 08-02-2022, L tiếp tục hỏi mượn Q 12.200.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm ngàn đồng); cùng ngày, Q đã chuyển số tiền trên cho L mượn.

Ngày 07-4-2022, L nhắn tin qua Zalo cho Q nói L đang làm thủ tục tách thửa đất nên cần số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để làm hồ sơ. Q nghĩ L tách thửa xong, sẽ bán đất có tiền trả nợ cho Q nên đã chuyển cho L mượn số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nhưng thực tế L không làm thủ tục tách thửa đất.

Do không nhận được số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) mà L nói đã chuyển khoản trước đó nên khi Q nói L không có tiền trả thì L trả lời do Ngân hàng bị lỗi. Ngày 26-8-2022, L tiếp tục lên mạng xã hội (Facebook) đặt làm 01 hình ảnh thể hiện số dư trong tài khoản của L còn 1.350.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng) rồi gửi cho Q xem. Ngày 01-9-2022, L gửi cho Q 01 hình ảnh thể hiện đã chuyển khoản thành công số tiền 58.600.000 đồng (Năm mươi tám triệu

sáu trăm ngàn đồng) cho Q. Ngày 02-9-2022, L hỏi mượn Q thêm số tiền 7.700.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm ngàn đồng) nhưng lần này Q giao cho L bằng tiền mặt.

Do số tiền L đã mượn của Q đã lên đến số tiền lớn nên vào ngày 30-9-2022, L tiếp tục đặt làm 01 hình ảnh thẻ hiện đã chuyển khoản thành công cho Q số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) rồi gửi cho Q. Sau đó, Q vẫn không nhận được tiền nên hỏi L thì ngày 18-10-2022, L tiếp tục đặt làm 01 hình ảnh thẻ hiện số dư trong tài khoản của L còn 1.652.447.059 đồng (Một tỷ sáu trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn không trăm năm mươi chín đồng) rồi gửi qua Zalo cho Q xem và nói có tiền trong tài khoản nhưng do Ngân hàng đang bị trì hoãn giao dịch nên chưa chuyển trả cho Q được. Sau đó, L tiếp tục hỏi mượn Q số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng), cùng ngày Q đã chuyển khoản cho L mượn số tiền trên. Đến ngày 30-12-2022, Q thông báo vẫn không nhận được tiền, nên L tiếp tục lên mạng xã hội (Facebook) đặt làm 01 hình ảnh thẻ hiện chuyển khoản thành công số tiền 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm ngàn đồng) qua ví điện tử “MOMO” cho Q. Sau đó, L nói với Q là L muốn rút “Bảo hiểm Cathay” và nếu muốn rút hết tiền bảo hiểm thì cần đóng một số tiền và tiếp tục hỏi mượn Q nhiều lần với số tiền cụ thể như sau:

Ngày 02-01-2023, mượn số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để chuộc căn cước công dân đang cầm cố để đi thanh toán bảo hiểm (Q giao bằng tiền mặt).

Ngày 04-01-2023, mượn số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) để làm thủ tục chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.

Ngày 05-01-2023, mượn số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) vì mới đóng hợp đồng bảo hiểm chưa được 06 tháng nên muốn lấy tiền hoàn lại theo hợp đồng 1.575.000.000 đồng thì phải đóng phí bảo hiểm cho 24 tháng.

Ngày 07-01-2023, mượn số tiền 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm ngàn đồng) để đóng phí phạt do chấm dứt số tiền 18.700.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm ngàn đồng) chuộc lại giấy tờ để đến Công ty Bảo hiểm làm việc để lấy được tiền.

Ngày 09-01-2023, L mượn Q 18.700.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm ngàn đồng) với lý do là để chuộc giấy tờ để đến Công ty bảo hiểm làm việc lấy tiền về.

Đến ngày 17-01-2023, Q nghi ngờ bị L lừa nên đã đến Văn phòng Công ty Bảo hiểm Cathay (Địa chỉ: Số 12 đường Hoàng Hoa Thám, Phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) hỏi thì được biết L không tham gia bảo hiểm Cathay nên Q đã làm đơn tố cáo hành vi của L đồng thời cung cấp sao kê toàn bộ giao dịch qua Ngân hàng mà Q đã chuyển tiền cho L đến Cơ quan Công an để được giải quyết,.

Ngày 08-6-2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra (CSĐT) Công an huyện Châu Đức đã có Công văn đề nghị Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Bảo hiểm nhân thọ Cathay Việt Nam phối hợp xác minh thông tin về việc bà Trương Thị Mỹ L có mua gói bảo hiểm nào của Công ty hay không. Đến ngày 09-6-2023, Công ty TNHH Bảo

hiểm nhân thọ Cathay Việt Nam cho biết bà Trương Thị Mỹ L không tham gia gói bảo hiểm nào của Công ty.

Tổng số tiền mà Trương Thị Mỹ L đã sử dụng thủ đoạn gian dối như đặt làm giả những hình ảnh thể hiện chuyển khoản thành công việc trả nợ cho ông Q hoặc những hình ảnh thể hiện số dư trong tài khoản còn nhiều tiền và đưa ra những thông tin không đúng sự thật như cần tiền tách thửa đất, đóng phí bảo hiểm làm cho ông Q tin tưởng và chuyển cho L là 155.400.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng).

Vật chứng vụ án: Số tiền 155.400.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng) L chiếm đoạt của Q hiện L đã tiêu xài hết (trả nợ cho người khác và tiêu xài cá nhân) nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Đức không thu hồi được; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S (số máy: MKQQ2KH/A; Số Seri:F17QK2P0GRYD) hiện đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức để quản lý.

Trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Trần Duy Q yêu cầu Trương Thị Mỹ L trả toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt 155.400.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng). L đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền trên cho ông Q nhưng chưa có tiền nên chưa thực hiện việc bồi thường.

Bản cáo trạng số 133/CT-VKS-CD ngày 16-11-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu truy tố bị cáo Trương Thị Mỹ L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Thị Mỹ L từ 04 (Bốn) năm đến 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 47 của bộ luật Hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S (số máy: MKQQ2KH/A; Số Seri:F17QK2P0GRYD) hiện đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức để quản lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và bị cáo, bị cáo có trách nhiệm trả cho bị hại số tiền 155.400.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng).

Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Các vấn đề khác: Đối với số tiền 310.150.000 đồng (Ba trăm mười triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) L mượn trước ngày 27-01-2022 và 1.062.471.000 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi một ngàn đồng) ông Nguyễn Trần Duy Q cho L mượn nhiều lần là do mối quan hệ tình cảm, L không đưa ra thông tin gian dối gì khi mượn tiền. Toàn bộ số tiền này L sử dụng tiêu xài cá nhân nên đây chỉ là tranh chấp về dân sự, không có yếu tố chiếm đoạt.

Đối với tài khoản mạng xã hội (Facebook) mà L đặt để làm các hình ảnh thể hiện chuyển tiền thành công, số dư trong tài khoản, L không nhớ tên tài khoản Facebook nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Đức tiếp tục xác minh và xử lý sau.

Bị cáo L xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, khắc phục hậu quả, nuôi dưỡng con nhỏ và trở thành người công dân sống có ích cho xã hội;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Châu Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có cơ sở xác định:

Khoảng tháng 8-2020, ông Q và bị cáo quen biết nhau qua mạng xã hội (Facebook), một thời gian sau giữa hai người nảy sinh tình cảm với nhau. Do trước đó đã vay tiền của nhiều người nhưng không có khả năng trả nên L đã nảy sinh ý định lừa đảo Q để chiếm đoạt tiền nhằm mục đích trả nợ cho người khác và tiêu xài cá nhân. Từ ngày 27-01-2022 đến ngày 09-01-2023, L đã dùng các thủ đoạn gian dối như đưa ra thông tin giả (không đúng sự thật) nhưng làm cho bị hại tin đó là thật và giao tài sản cho bị cáo để chiếm đoạt tài sản của Q với tổng số tiền 155.400.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng). Cụ thể như sau:

Ngày 29-01-2022, Q đã chuyển khoản cho L mượn số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Ngày 08-02-2022, Q đã chuyển khoản cho L mượn số tiền 12.200.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm ngàn đồng).

Ngày 07-4-2022, Q đã chuyển khoản cho L mượn số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ngày 02-9-2022, Q đã cho L mượn số tiền 7.700.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm ngàn đồng), Q giao cho L bằng tiền mặt.

Ngày 18-10-2022, Q đã chuyển khoản cho L mượn số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Ngày 02-01-2023, Q đã cho L mượn số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), Q giao cho L bằng tiền mặt.

Ngày 04-01-2023, Q đã chuyển khoản cho L mượn số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Ngày 05-01-2023, Q đã chuyển khoản cho L mượn số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Ngày 07-01-2023, Q đã chuyển khoản cho L mượn số tiền 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm ngàn đồng).

Ngày 09-01-2023, Q đã chuyển khoản cho L mượn số tiền 18.700.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm ngàn đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bị hại là 155.400.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng) nên hành vi của bị cáo đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3]. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo để quyết định cho bị cáo một mức án phù hợp:

[3.1]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo là một công dân đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự, tuổi đời còn trẻ nhưng lại không chí thú làm ăn. Bị cáo biết rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi nên đã lợi dụng lòng tin của người khác để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần có mức hình phạt tương xứng để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho xã hội, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu giáo dục, phòng ngừa chung.

[4.1]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đang mang thai, đang nuôi con nhỏ.

[4.2]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, bị cáo đã sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại từ 02 lần trở lên và giá trị

tài sản bị chiếm đoạt của mỗi lần đều đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên đối với bị cáo.

[4.3]. Như vậy, cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017) để quyết định hình phạt đối với Trương Thị Mỹ L.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bị cáo Trương Thị Mỹ L có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Trần Duy Q số tiền 155.400.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng).

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với điện thoại di động hiệu Iphone 6S (số máy: MKQQ2KH/A; Số Se-ri:F17QK2P0GRYD) Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Đức thu giữ của bị cáo là công cụ phạm tội nên căn cứ khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.770.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[9]. Về các vấn đề khác: Ông Q và bị cáo đều xác định đối với số tiền 310.150.000 đồng (Ba trăm mười triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) bị cáo đã mượn trước ngày 27-01-2022 và 1.062.471.000 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi một ngàn đồng) ông Q cho bị cáo mượn nhiều lần cộng lại là xuất phát từ mối quan hệ tình cảm, trong những lần mượn tiền này bị cáo cũng không đưa ra thông tin gian dối. Bị cáo đã sử dụng toàn bộ số tiền này để tiêu xài cá nhân, trả nợ cho người khác nên đây chỉ là tranh chấp về dân sự. Nếu ông Q có yêu cầu thì dành quyền khởi kiện cho ông Q bằng một vụ án dân sự khác.

Đối với tài khoản mạng xã hội (Facebook) mà bị cáo đặt để làm các hình ảnh thể hiện chuyên tiền thành công, số dư trong tài khoản do bị cáo không nhớ tên tài khoản Facebook nên kiến nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Đức tiếp tục xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm n, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 299, Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trương Thị Mỹ L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt Trương Thị Mỹ L 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trương Thị Mỹ L có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Trần Duy Q số tiền 155.400.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S (Số máy: MKQQ2KH/A; Số Se-ri: F17QK2P0GRYD) (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26-01-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức).

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.770.000 đồng (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29-3-2024) để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PC10, PV06 (CA tỉnh BR-VT);
- Công an H.Châu Đức;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- Người TGTT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)**

Lê Thị Thanh Nga